

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chánh Tâm

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 563/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quyết hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1963; Trú tại: Số H, ấp A, xã A (nay là xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1969; Trú tại: Số H, ấp A, xã A (nay là xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và ông Trần Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là UBND xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2020. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến đầu năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Vợ chồng bà T đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do không còn tình cảm với ông M nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn M, bà T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn M vắng mặt không có trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn M được tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông M là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở, không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Văn M có nơi cư trú tại ấp A, xã A (nay là xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2020 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M. Ông M được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, cho thấy ông M đã từ bỏ quan hệ hôn nhân này, không mong muốn được đoàn tụ. Bà T cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này cho thấy bà T và ông M đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông M không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M là phù hợp quy định pháp luật. Bà T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận. Ông M vắng mặt, không có yêu cầu về cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên tòa án không xem xét. Trường hợp ông M có yêu cầu về việc cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

[4] Về con chung: Bà T khai không có; ông M vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, ông M vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Trần Văn M. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Văn M chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Phạm Thị T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn. Ông Trần Văn M vắng mặt, không có yêu cầu về cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên tòa án không xem xét. Trường hợp ông Trần Văn M có yêu cầu về việc cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định

2. Về con chung: Bà Phạm Thị T khai không có; ông Trần Văn M vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị T khai không có, ông Trần Văn M vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã An Hóa (nay là xã An Phước);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền

